

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-ST  
Ngày: 29-11-2018  
*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Quang Tuyền**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Dương Xuân Đỉnh**  
2. Bà **Hoàng Thị Lợi**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Hùng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh,** thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 78/2018/TLST-DS ngày 11/7/2018 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/QĐXXST-DS ngày 26/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-DS ngày 13/11/2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV**; trụ sở chính: Số XX, phường LH, quận DD, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Tuấn A** – Phó giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Bùi Xuân P** – Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông **Lại Phú Việt A1** và anh **Phạm Quang Đ** – Cán bộ xử lý nợ. Có mặt anh Đ.

**- Bị đơn:** Anh **Đỗ Đức M**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn DT 3, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện ngày 04/5/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV (Sau đây gọi tắt là VP Bank) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Nguyên đơn cho anh Đỗ Đức M vay 2 khoản tiền cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: LD1532000532 ngày 16/11/2015; số tiền vay: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng. Mã số hợp đồng LD1532000532 chỉ hiển thị trên hệ thống của ngân hàng còn hình thức của hợp đồng được thể hiện qua Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 5221116 ngày 16/11/2015.

Hợp đồng tín dụng số: 324-P-3964482 ngày 05/11/2015; số tiền vay: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích vay vốn: Vay tiêu dùng. Mã số hợp đồng 324-P-3964482 chỉ hiển thị trên hệ thống của ngân hàng còn hình thức của hợp đồng được thể hiện qua Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 05/11/2015.

Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn đủ số tiền 15.000.000 đồng của hợp đồng 324-P-3964482 theo bảng sao kê tài khoản thẻ. Đối với hợp đồng LD1532000532 VP Bank đã chuyển vào tài khoản của anh M 40.000.000đ. Tuy nhiên do anh M yêu cầu bảo hiểm và ký hợp đồng với Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương nên số tiền anh M thực nhận là 38.750.000 đồng theo giấy lĩnh tiền số 2378746 ngày 16/11/2015. Số tiền còn lại 1.250.000 đồng, VPBank đã chuyển từ tài khoản của anh M vào tài khoản số 31077532 của Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương vào ngày 16/11/2015 số tiền 1.194.392 đồng; còn 55.608 đồng VP Bank thu vào phí làm thẻ và phí duy trì tài khoản.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, anh Đỗ Đức M chỉ trả được một phần gốc và lãi, sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank, nên các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Theo đơn khởi kiện VP Bank yêu cầu anh M trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 28/02/2018 là: Theo hợp đồng tín dụng số: LD1532000532 ngày 16/11/2015; nợ gốc là 37.194.014 đồng; lãi 28.466.628 đồng. Tổng cộng là 65.660.642 đồng. Theo hợp đồng tín dụng số: 324-P-3964482 ngày 05/11/2015; nợ gốc là: 12.768.979 đồng; lãi 13.891.812 đồng; tổng cộng là: 26.660.800 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi của hai hợp đồng là 92.321.442 đồng. Tiếp tục tính lãi, phạt chậm trả theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký và theo quy định pháp luật đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi, luận cứ về tính lãi suất xác định cụ thể tính đến ngày 29/11/2018, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền như sau:

Theo hợp đồng tín dụng số: LD1532000532 ngày 16/11/2015; nợ gốc là 37.194.014 đồng; lãi 42.474.450 đồng, phạt chậm trả 26.537.157 đồng; tổng cộng 106.205.621 đồng. Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu tiền phạt chậm trả 26.537.157 đồng nên số tiền bị đơn còn nợ của hợp đồng này là 79.668.464 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng số: 324-P-3964482 ngày 05/11/2015; nợ gốc là:

12.768.979 đồng, lãi 24.869.418 đồng; tổng cộng: 37.638.397 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả của hai hợp đồng tính đến ngày 29/11/2018 là 117.306.861 đồng. Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký và theo quy định pháp luật đến khi trả hết nợ.

*Bị đơn là anh Đỗ Đức M* đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên anh M không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án nhiều lần đến nhà để lấy lời khai nhưng anh M đều không có mặt ở nhà nên không thể lấy được lời khai của anh M.

*Đại diện gia đình anh M* bà Phạm Thị T – mẹ anh M cung cấp ý kiến: Việc anh M vay tiền của VP Bank như thế nào gia đình bà không biết, gia đình bà không sử dụng tiền anh M vay và cũng không biết anh M sử dụng tiền vay vào việc gì. Bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để anh M trả dần số nợ. Các văn bản tố tụng của Tòa án mà vợ chồng bà nhận thay anh M, ông bà đã giao lại tận tay cho anh M nhưng không rõ vì sao anh M không đến Tòa án làm việc. Gia đình bà cũng không biết cụ thể anh M đang làm ở đâu nhưng thời gian làm việc rất thất thường, hôm đi sớm, hôm đi muộn, hôm về sớm, hôm về muộn.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử tính tiền lãi đến ngày xét xử và rút yêu cầu về lãi phạt chậm trả.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh M vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại tất cả các phiên tòa là không chấp hành đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tiền gốc, lãi tính đến ngày 29/11/2018 theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ pháp nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV, căn cứ mục đích vay vốn trong các hợp đồng tín dụng là vay tiêu dùng. Vì vậy Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đỗ Đức M đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên anh M không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án nhiều lần đến nhà để lấy lời khai nhưng anh M đều không có mặt ở nhà nên không thể lấy được lời khai của anh M. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi anh Đỗ Đức M trả nợ Hợp đồng tín dụng số: LD1532000532 ngày 16/11/2015 (Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5221116 ngày 16/11/2015) và Hợp đồng tín dụng số: 324-P-3964482 ngày 05/11/2015 (Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 05/11/2015) nhận thấy:

[3.1]. Việc các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc vay tiền thông qua hình thức cấp thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, đúng quy định về hoạt động của ngân hàng thương mại quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; phù hợp quy định tại Khoản 7 Điều 16 Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện đối với các hợp đồng tín dụng dưới hình thức Đề nghị phát hành thẻ là có căn cứ.

[3.2]. Về việc tính lãi: Hợp đồng tín dụng số: LD1532000532 ngày 16/11/2015 thỏa thuận mức lãi suất là 30%/năm; Hợp đồng tín dụng số: 324-P-3964482 ngày 05/11/2015 không thỏa thuận về lãi suất nhưng theo Quyết định số 557/2015/QĐ-TGD ngày 22/7/2015 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP VNTV về lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân thì lãi suất cho vay qua thẻ tín dụng MC2 là 2,49%/tháng nhận thấy:

Khoản 2 Điều 91 Luật của các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Điều 11 và Khoản 2 Điều 13 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước quy định:

“Điều 11. Lãi suất cho vay

1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”

“Điều 13. Trả nợ gốc và lãi vốn vay

2. Khi đến kỳ hạn trả nợ gốc hoặc lãi, nếu khách hàng không trả nợ đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc lãi hoặc không được gia hạn nợ gốc hoặc lãi, thì tổ chức tín dụng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.”

Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 quy định: “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả.”

Theo quy định tại Điều 20 Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Ngân hàng nhà nước, chủ thể phải thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.

Việc nguyên đơn tính lãi suất của dư nợ: Hợp đồng tín dụng số: LD1532000532 ngày 16/11/2015 thỏa thuận mức lãi suất là 30%/năm, quá hạn là 45%; Hợp đồng tín dụng số: 324-P-3964482 ngày 05/11/2015 là 2,49%/tháng (có sự điều chỉnh) theo các quyết định: Số 557/2015/QĐ-TGD ngày 22/7/2015, số 901/2015/QĐ-TGD ngày 07/12/2015, số 134/2016/QĐ-TGD ngày 24/02/2016, số 746/2016/QĐ-TGD ngày 07/9/2016, số 265/2018/QĐ-TGD ngày 05/4/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP VNTV là phù hợp Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước nên được chấp nhận.

Việc nguyên đơn rút yêu cầu tiền phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng số: LD1532000532 là phù hợp quy định pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền tính đến ngày 29/11/2018 của các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: LD1532000532 ngày 16/11/2015 gồm: Nợ gốc là 37.194.014 đồng; lãi 42.474.450 đồng, tổng cộng là 79.668.464 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số: 324-P-3964482 ngày 05/11/2015; nợ gốc là: 12.768.979 đồng, lãi 24.869.418 đồng; tổng cộng: 37.638.397 đồng.

Tổng cộng là 117.306.861 đồng.

Theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013, được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ sau ngày xét xử, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng số: LD1532000532 ngày 16/11/2015 và Hợp đồng tín dụng số: 324-P-3964482 ngày 05/11/2015, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và đề nghị phát hành thẻ tín dụng có thỏa thuận về việc

điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005; Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Ngân hàng nhà nước; Án lệ số 08/2016/AL; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV đối với anh Đỗ Đức M.

Buộc anh Đỗ Đức M phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền tính đến ngày 29/11/2018 là:

- Hợp đồng tín dụng số: LD1532000532 ngày 16/11/2015 (Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5221116 ngày 16/11/2015), gồm: Nợ gốc là 37.194.014 đồng (Ba mươi bảy triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn, không trăm mười bốn đồng); lãi 42.474.450 đồng (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi đồng), tổng cộng là 79.668.464 đồng (Bảy mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

- Hợp đồng tín dụng số: 324-P-3964482 ngày 05/11/2015 (Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 05/11/2015) ; nợ gốc là: 12.768.979 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi chín đồng), lãi 24.869.418 đồng (Hai mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm mười tám đồng); tổng cộng: 37.638.397 đồng (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

Tổng cộng là 117.306.861 đồng (Một trăm mười bảy triệu, ba trăm linh sáu nghìn, tám trăm sáu mươi một đồng).

Kể từ ngày 30/11/2018, anh Đỗ Đức M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán của các Hợp đồng tín dụng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà anh Đỗ Đức M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV.

#### 4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Đỗ Đức M nộp 5.685.000 đồng (Năm triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV được số tiền 2.308.000 đồng (Hai triệu, ba trăm linh tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001616 ngày 10/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

***Trần Quang Tuyền***

